

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC - QUÂN KHU 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Trần Văn Hùng

Các Hội thẩm quân nhân:

4/ Chế Đình Thắng

4/ Phạm Xuân Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: 1/ Nguyễn Thị Cẩm Tú - Thư ký
Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 tham gia phiên tòa: 1// Đặng
Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2020, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày
08/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày
21/8/2020 đối với các bị cáo:

01. Nguyễn Đình H; Tên gọi khác: CĐ; Sinh ngày 08/02/1980 tại xã BS,
huyện A L, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn PÂ 1, xã HQ, huyện A L, tỉnh TTH (Nay là
thôn PÂ 1, xã QN, huyện A L, tỉnh TTH); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Pa Cô; Tôn giáo: Không; Quốc
tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình H1 và bà Hồ Thị H; Có vợ là Hồ Thị L và
02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân
thân: Ngày 29/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện A L, tỉnh TTH xử phạt 5.000.000
(Năm triệu) đồng về tội đánh bạc vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi
phạm; Ngày 17/4/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh TTH xử phạt 06 (Sáu) tháng tù
nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng và phạt bổ sung
số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng về tội đánh bạc; Hiện đang bị áp dụng biện
pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

02. Lê Mạnh T; Sinh ngày 26/8/1980 tại xã HV, huyện A L, tỉnh TTH. Nơi
cư trú TDP 05, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Cấp bậc, chức
vụ, đơn vị khi phạm tội: 1//; TLDQTV, BCHQSHQD, BCHQSTTTH; Trình độ
văn hóa: 12/12; Dân tộc: Pa Cô; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông
Lê Minh T (Đã chết) và bà Trần Thị M; Có vợ là Lê Thị Kim Th (Đã ly hôn) và
01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý
hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi
khỏi nơi cư trú; Có mặt.

03. Nguyễn Ngọc H; Tên gọi khác X; Sinh ngày 12/9/1990, tại xã QP, huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú TDP 07, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H và bà Đoàn Thị M; Có vợ là Trần Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

04. Nguyễn Chí Th; Tên gọi khác N; Sinh ngày 02/12/1968, tại xã QV, huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú TDP 04, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Thn và bà Nguyễn Thị Tg (Đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Th và 03 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/11/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh TTH xử phạt 06 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng về tội đánh bạc, vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

05. Hoàng Thị Th; Sinh ngày 30/3/1988 tại xã PH, huyện PĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú TDP 06, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Ngọc T (đã chết) và bà Hoàng Thị B; Có chồng là Phan Văn L và 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

06. Hoàng Thị S; Sinh ngày 17/10/1975 tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Ngọc T (Đã chết) và bà Hoàng Thị B; Có chồng là Hoàng Trọng D và 03 con, lớn sinh năm 1999 nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

07. Nguyễn Thị L; Sinh ngày 14/02/1976 tại xã QL, huyện ĐH, tỉnh PT. Nơi cư trú TDP 01, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C; Có chồng là Nguyễn Minh Ph và 02 con, lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

08. Trương Thị Thùy D; Sinh ngày 23/3/1978 tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú TDP 01, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Đình Th và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Có chồng là Lê Văn Ph và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

09. Hoàng Xuân Tr; Tên gọi khác: T; Sinh ngày 31/7/1978 tại thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH. Nơi cư trú TDP 03, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng X và bà Nguyễn Thị Á; Có vợ là Trần Thị Tr và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

10. Mai Thị Th; Sinh ngày 10/7/1971 tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú TDP 05, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Bá L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch; Có chồng là Nguyễn D và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

11. Nguyễn Văn Đ; Sinh ngày 05/10/1983, tại xã QV, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QV, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ và bà Hồ Thị H; Có vợ là Phan Thị Đ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

12. Văn Thị M; Sinh ngày 10/6/1982, tại xã QV, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn L và bà Lê Thị H; Có chồng là Trần X và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

13. Nguyễn Văn T; Tên gọi khác TB; Sinh ngày 05/5/1965, tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QL, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị H và 05 con, lớn sinh 1995, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

14. Bùi Thị Kim Y; Sinh ngày 10/11/1972, tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đ và bà Lê Thị Tr; Có chồng là Trần Th và 02 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

15. Nguyễn Thị Hồng Th; Sinh năm 1979, tại thị trấn TA, huyện PV, tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn QV, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị V (Đã chết); Có chồng là Văn Tiến D và 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

16. Hồ Thị L; Sinh ngày 10/3/1959, tại xã QV, huyện HD, tỉnh BTT (Nay là tỉnh TTH); Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Đ và bà Nguyễn Thị X (Đã chết); Có chồng là Hồ B và 07 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

17. Pơ Loong B; Sinh ngày 05/10/1976 tại xã HL, huyện A L tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn KN 1, xã HL, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Pơ Loong X và bà Hồ Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

18. Hồ Thị T; Sinh ngày 17/3/1973, tại xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn QL, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Đ và bà Nguyễn Thị X (Đã chết); Có chồng là Nguyễn Đình Đ và 02 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

19. Bùi Thị Kim Á; Sinh ngày 12/5/1977, tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đ và bà Lê Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện A L, tỉnh TTH xử phạt số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng về tội đánh bạc vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

20. Hồ Thị G; Sinh ngày 11/6/1981, tại xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn QV, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Đ và bà Nguyễn Thị X (Đã chết); Có chồng là Phạm Thế T và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

21. Trần Thị H; Sinh ngày 09/10/1982, tại xã QS, huyện QT, tỉnh QB; Nơi cư trú thôn KL, xã Nh, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang B (Đã chết) và bà Phạm Thị X; Có chồng là Lê Khắc T (Đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

22. Văn Thị L; Sinh ngày 05/10/1983, tại xã QV, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú thôn QT, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn T và bà Đoàn Thị N; Có chồng là Trần L và 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

23. Nguyễn Đình Đ; Sinh ngày 13/6/1972 tại huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú thôn QL, xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và bà Trần Thị R; Có vợ là Hồ Thị T và 02 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

24. Lê Văn Ph; Sinh ngày 16/3/1974 tại xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú TDP 01, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B và bà Trần Thị H; Có vợ là Trương Thị Thùy D và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/5/2012 bị Công an huyện A L tỉnh Thừa TTH xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi đánh bạc, vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

25. Phan Thị Th; Sinh ngày 20/10/1982 tại xã QP, huyện QĐ, tỉnh TTH; Nơi cư trú TDP 07, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Th và bà Nguyễn Thị K (Đã chết); Có chồng là Trần Đình H và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

26. Nguyễn Thị Thu H; Sinh ngày 02/01/1976, tại xã QA, huyện QĐ, tỉnh TTH. Nơi cư trú TDP 05, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và bà Trần Thị V; Có 01 con sinh năm 2000; Tiền sự: Ngày 07/12/2018 bị Công an huyện A L, tỉnh TTH xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi đánh bạc vi phạm trên chưa được xóa; Nhân thân: Ngày 23/8/2013 bị Tòa

án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH xử phạt 05 (Năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng và phạt bổ sung số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng về tội đánh bạc vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Những người làm chứng:

01. Bà Hồ Thị L; Có mặt.
02. Ông Võ Văn T; Vắng mặt.
03. Ông Lê Trương Đ; Vắng mặt.
04. Ông Văn Đình S; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/5/2019, sau khi uống cà phê xong, Nguyễn Đình H cùng Lê Mạnh T, Cấp bậc: 1//; Chức vụ TLDQTV, BCHQSHQD, BCHQSTTTH về nhà Nguyễn Đình H tại thôn PẢ 1, xã HQ, huyện A L, tỉnh TTH, sau đó có Nguyễn Chí Th trú tại TDP 04, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH và Nguyễn Thị Thu H3 trú tại TDP 05, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH cũng đến nhà Nguyễn Đình H. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Đình H rủ Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền và được các đối tượng này đồng ý. Sau đó Nguyễn Đình H đi xuống bếp lấy 01 (Một) cái bát sứ, 01 (Một) cái đĩa sứ và dùng bộ đục vị đục 04 (Bốn) con vị từ bài tú lơ khơ có sẵn trong nhà, rồi trải chiếu tại phòng ngủ của gia đình để Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H đánh bạc, bên cạnh chiếu bạc Nguyễn Đình H để 01 (Một) vỏ lon sữa bằng kim loại để các con bạc bỏ tiền “Xâu” cho H.

Thời điểm bắt đầu đánh bạc là khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, sau đó có các bị cáo Trương Thị Thùy D, Hoàng Xuân Tr, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Nguyễn Ngọc H, Lê Văn Ph Nguyễn Thị L, Mai Thị Th cùng trú tại thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH; Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Nguyễn Văn Đ, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Hồ Thị G, Nguyễn Thị Nhã Ph cùng trú tại xã ST, huyện A L, tỉnh TTH; Trần Thị H trú tại thôn KL, xã Nh, huyện A L, tỉnh TTH; Pơ Loong B trú tại thôn KN 1, xã HL, huyện A L, tỉnh TTH tự tìm đến nhà Nguyễn Đình H tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc “Xóc đĩa” như sau: Đặt “Cửa chắn” bên tay phải, đặt “Cửa lẻ” bên tay trái của người xóc cái với tỷ lệ thắng thua 1-1. Người chơi đặt “Cửa chắn” thắng cược khi 04 lá vị bài là 02 đen hoặc 02 trắng (02 mặt sấp, 02 mặt ngửa) hoặc 04 trắng (04 mặt ngửa) hoặc 04 mặt đen (04 mặt sấp); người chơi đặt “Cửa lẻ” thắng khi 04 vị bài là 03 mặt đen 01 mặt trắng (03 mặt sấp, 01 mặt ngửa) hoặc 03 trắng 01 đen (03 mặt ngửa, 01 mặt sấp). Khi những người chơi và nhà cái thắng ván bạc có 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen thì những người thắng sẽ bỏ tiền xâu số tiền từ 10.000 (Mười nghìn) đồng đến 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng, tiền xâu được bỏ vào trong lon sữa bằng kim loại. Các đối tượng đặt tiền

tương ứng mỗi ván bạc số tiền từ 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng đến 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Khi bắt đầu đánh bạc Lê Mạnh T là người làm cái sau đó lần lượt chuyển qua cho Nguyễn Chí Th, Nguyễn Ngọc H1, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện A L, tỉnh TTH ập vào bắt quả tang và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang các đối tượng: Nguyễn Đình H, Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G, Nguyễn Thị Nhã Ph, thu giữ tại chiếu bạc 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng, thu giữ trong người các đối tượng là 50.450.000 (Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền xâu là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Ngoài ra còn thu giữ 15 (Mười lăm) chiếc xe mô tô, 01 (Một) chiếc xe đạp điện, 08 (Tám) chiếc điện thoại di động, cụ thể: 01 (Một) chiếc điện thoại di động MASTEL màu đen của Văn Thị L; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung bàn phím có nắp bật của Bùi Thị Kim Y; 01 (Một) chiếc điện thoại di động MASTEL màu trắng của Văn Thị M; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung cảm ứng và 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO của Lê Văn Ph; 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO màu đỏ của Nguyễn Thị Thu H; 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO màu đỏ của Hoàng Thị Th; 01 (Một) chiếc điện thoại di động cảm ứng Sam Sung màu trắng của Nguyễn Thị Nhã Ph, tất cả đã qua sử dụng); 01 (Một) bát bằng sứ; 01 (Một) đĩa bằng sứ; 04 (Bốn) con vị hình tròn được đục từ quân bài tứ lơ khơ; 01 (Một) cái đục con vị bằng kim loại màu trắng bạc có đường kính 5 cm x 1,5 cm; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu trắng, xanh và đỏ; 01 (Một) miếng ván gỗ có kích thước: dài 50cm, rộng 10 cm (dùng làm tấm thốt đục bài); 01 (Một) cái chày bằng gỗ dùng để đục con vị; 01 (Một) vỏ ống lon nhãn hiệu Frisolac Gold bằng kim loại.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A L, tỉnh TTH lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 11/5/2019 thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/5/2019 thông qua biện pháp nghiệp vụ, tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A L, tỉnh TTH phát hiện tại nhà ông Nguyễn Đình H tại thôn PÁ 1, xã HQ, huyện A L, tỉnh TTH các đối tượng đang cùng nhau thực hiện hành vi đánh “Xóc đĩa” được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Tổ công tác đã tiến hành bắt quả tang, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang các đối tượng: Nguyễn Đình H, Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ1, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G, Nguyễn Thị Nhã Ph. (Bút lục 01, 02, 03, 04, 05).

Tại biên bản dựng lại hiện trường do Công an huyện A L, tỉnh TTH lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 20/8/2019 xác định: Nơi dựng hiện trường vụ án đánh bạc là nhà anh Nguyễn Đình H tại thôn PÁ 1, xã HQ, huyện A L, tỉnh TTH, nhà có kích

thước là (16x7) m, được xây dựng bằng bê tông, mái được lợp bằng tôn, nhà gồm 06 phòng trong đó có 02 (Hai) phòng ngủ, 01 (Một) phòng khách, 01 (Một) phòng bếp, 01 (Một) nhà vệ sinh, 01 (Một) nhà kho. Nhà có hướng Đông giáp nhà anh Hồ Văn H, hướng Tây giáp nhà anh Hồ Trung H, hướng Bắc giáp nhà anh Hồ Văn Th. Vụ đánh bạc xảy ra tại phòng ngủ riêng diện tích (3,2x4)m, phòng gồm 01 (Một) giường và 01 (Một) tủ gỗ

Quá trình dựng hiện trường chúng tôi phát hiện: Vị trí số 01: Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Nhã Ph, Nguyễn Văn T, Lê Mạnh T, Văn Thị L, Văn Thị M, Bùi Thị Kim Á, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đình Đ, Lê Văn Ph, Pơ Loong B, Hoàng Thị Th, Phan Thị Th, Trần Thị H, Hoàng Xuân Tr, Trương Thị Thùy D, Mai Thị Th, Hoàng Thị S, Nguyễn Thị L, Hồ Thị G, Hồ Thị T, Hồ Thị L đang tiến hành đánh bạc với hình thức “Xóc đĩa” trong đó Nguyễn Ngọc H chủ sòng. Vị trí số 01 cách mép phải cửa ra vào phòng ngủ 2,1m về hướng Tây và cách tường phía Nam phòng ngủ 2,5m về hướng Nam (Bút lục 167, 168).

Số tiền mà Công an huyện A L, tỉnh TTH thu giữ tại chiếu bạc 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng, thu giữ trong người các đối tượng là 50.450.000 (Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và số tiền xâu là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, cụ thể như sau: Lê Mạnh T là 1.000.000 (Một triệu) đồng; Nguyễn Chí Th là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị Thu H là 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng; Nguyễn Ngọc H là 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; Trương Thị Thùy D là 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng; Bùi Thị Kim Y là 3.000.000 (Ba triệu) đồng; Nguyễn Đình Đ là 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng; Hoàng Thị S là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; Hồ Thị L là 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng; Hoàng Xuân Tr là 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; Nguyễn Văn Đ là 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Lê Văn Ph là 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Trần Thị H là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị L là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; Phan Thị Th là 520.000 (Năm trăm hai mươi nghìn) đồng; Hoàng Thị Th là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Văn Thị L là 500.000 (Năm trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Hồng Th là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Bùi Thị Kim Á là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Hồ Thị T là 370.000 (Ba trăm bảy mươi nghìn) đồng; Nguyễn Văn T là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; Văn Thị M là 180.000 (Một trăm tám mươi nghìn) đồng; Pơ Loong B là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; Mai Thị Th là 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng. Số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng đã bao gồm tiền thu “Xâu” là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Số tiền các bị cáo mang theo nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc là 19.330.000 (Mười chín triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng, cụ thể: Trương Thị Thùy D là 10.000.000 (Mười triệu) đồng; Nguyễn Thị Hồng Th là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn T là 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng;

Mai Thị Th là 500.000 (Năm trăm nghìn); Văn Thị M là 370.000 (Ba trăm bảy mươi nghìn) đồng; Nguyễn Đình H là 60.000 (Sáu mươi nghìn) đồng.

Hồ Thị G cho Nguyễn Đình Đ mượn số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và trong quá trình các đối tượng đánh bạc Hồ Thị G có đặt cược giúp Hoàng Thị S 02 (Hai) lượt với số tiền 100.000 (Một trăm nghìn) đồng và đặt cược giúp Hồ Thị L 01 (Một) lượt với số tiền 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng. Nguyễn Thị Nhã Ph đã có hành vi đặt cược giúp cho Nguyễn Văn T 02 (Hai) lượt với số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Lời khai của người làm chứng Hồ Thị L tại phiên tòa: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/5/2019 tại phòng ngủ nhà tôi thấy có nhiều người tụ tập nhưng vì đang trông con nhỏ nên không để ý, sau đó thấy Công an ập vào bắt quả tang mới biết là có nhiều người đánh bạc.

Lời khai của những người làm chứng Võ Văn Th, Lê Trương Đ, Văn Đình S tại hồ sơ vụ án: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/5/2019 tại phòng ngủ nhà Nguyễn Đình H tại thôn PÁ 1, xã HQ, huyện A L, tỉnh TTH có nhiều người tham gia đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa”, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện A L, tỉnh Tth ập vào bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS42 ngày 05 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 42 truy tố bị can Nguyễn Đình H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả 26 bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với

các bị cáo với bị cáo Lê Mạnh T vì được tặng Giấy khen Chiến sỹ tiên tiến, bị cáo Nguyễn Chí Th có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Pơ Loong B có bố đẻ Pờ Loong X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ba và có mẹ đẻ là Hồ Thị L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Ngoài ra đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*” quy định tại điểm v Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Mạnh T; đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình H.

Về Giấy xác nhận có giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, đấu tranh các loại tội phạm của Nguyễn Đình H. Kiểm sát viên cho rằng Giấy xác nhận không nêu cụ thể thời gian, địa điểm, tên đối tượng đã cung cấp nên không đề nghị áp dụng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo H để cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Trên cơ sở đó Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b, c Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 38; Điều 55; Khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình H từ 24 (Hai mươi tư) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HS-ST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh TTH buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Chí Th từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị Thu H từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Thị Kim Á từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc H từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Văn Thị L từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Văn Thị M 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn Ph từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Mai Thị Th từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Thị H từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Thị Kim Y từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị Hồng Th từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Trương Thị Thùy D từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình Đ từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Phan Thị Th từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Thị S từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Hồ Thị L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Xuân Tr từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị L từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Thị Th từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Hồ Thị T từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i,v,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Mạnh T từ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng đến 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng đến 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Hồ Thị G từ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Pơ Loong B từ 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng.

Áp dụng điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu và tiêu hủy đối với 01 (Một) bát bằng sứ; 01 (Một) đĩa bằng sứ; 04 (Bốn) con vị hình tròn được đục từ quân bài tứ lơ khơ; 01 (Một) cái đục con vị bằng kim loại màu trắng bạc có đường kính 5 cm x 1,5 cm; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu trắng, xanh và đỏ; 01 (Một) miếng ván gỗ có kích thước: dài 50cm, rộng 10 cm (dùng làm tấm thốt đục bài); 01 (Một) cái chày bằng gỗ dùng để đục con vị; 01 (Một) vỏ ống lon Frisolac Gold bằng kim loại. (Đã qua sử dụng).

Tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng các bị cáo đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bản thân, gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 đã truy tố, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Đình H đã có hành vi tổ chức đánh bạc; các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền, đây là hình thức đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm, bị cáo Hồ Thị G đồng phạm về hành vi đánh bạc với vai trò là người giúp sức. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, do vậy tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Đình H tổ chức đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, đã bao gồm số tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với số tiền 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng mà Nguyễn Đình H thu tiền “Xâu” của những người tham gia đánh bạc số tiền này qua điều tra xác minh khi bị Công an huyện A L, tỉnh TTH bắt quả tang Nguyễn Đình H đã đưa cho Công an và đã thu giữ tại biên bản phạm tội quả tang.

Số tiền mà Công an thu giữ tại chiếu bạc và trong người các đối tượng là 54.000.000 (Năm mươi tư triệu) đồng. Số tiền 19.3300.000 (Mười chín triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng thu giữ trên người các đối tượng qua xác minh không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng cụ thể là Lê Mạnh T là 1.000.000 (Một triệu) đồng; Nguyễn Chí Th là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị Thu H là 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng; Nguyễn Ngọc H là 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; Trương Thị Thùy D là 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng; Bùi Thị Kim Y là 3.000.000 (Ba triệu)

đồng; Nguyễn Đình Đ là 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng; Hoàng Thị S là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; Hồ Thị L1 là 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng; Hoàng Xuân Tr là 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; Nguyễn Văn Đ là 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Lê Văn Ph là 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Trần Thị H là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị L là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; Phan Thị Th là 520.000 (Năm trăm hai mươi nghìn) đồng; Hoàng Thị Th là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Văn Thị L là 500.000 (Năm trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Hồng Th là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Bùi Thị Kim Á là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; Hồ Thị T là 370.000 (Ba trăm bảy mươi nghìn) đồng; Nguyễn Văn T là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; Văn Thị M là 180.000 (Một trăm tám mươi nghìn) đồng; Pơ Loong B là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; Mai Thị Th là 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, đã bao gồm số tiền thu “Xâu” là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a,b,c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự ra trước Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 là có cơ sở.

Ngoài ra đối tượng Nguyễn Thị Nhã Ph quá trình điều tra, xác minh cho đến thời điểm hiện tại không có mặt tại địa phương mà hiện nay mới sinh con và cư trú tại số 134 UBTPC, TT YS, huyện TG, tỉnh VN, TQ. Đối tượng Nguyễn Thị Nhà Ph vì lý do đang nuôi con nhỏ và trong thời gian cách ly do dịch bệnh Covid-19 nên chưa trở về địa phương. Ngày 18/6/2020, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu 4 đã ra Quyết định tách hồ sơ, tài liệu hồ sơ trong vụ án số 34/QĐ-ĐTHS liên quan đến hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Nhã Ph để xử lý khi trở về địa phương.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả 26 bị cáo trong vụ án; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G, Lê Văn Ph; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Mạnh T vì được tặng Giấy khen Chiến

sỹ tiên tiến, bị cáo Nguyễn Chí Th có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Pơ Loong B có bố đẻ Pơ Loong X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ba và có mẹ đẻ là Hồ Thị L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Ngoài ra đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*” quy định tại điểm v Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Mạnh T vì được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba là có cơ sở.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết “*Tái phạm*” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 17/4/2019 Nguyễn Đình H bị Tòa án nhân dân tỉnh TTH xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng về tội đánh bạc, đến ngày 11/5/2019 ngày bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội mới thì Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh TTH chưa có hiệu lực pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về Giấy xác nhận có giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, đấu tranh các loại tội phạm của Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử xét thấy giấy xác nhận ghi chung chung không nêu cụ thể thời gian, địa điểm, tên các đối tượng mà Hòa cung cấp cho Cơ quan Công an và đã cung cấp cho Cơ quan Công an nào, do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là không xem xét tình tiết này đối với bị cáo H là có cơ sở.

[3.2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Đình H là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, sử dụng nhà do mình sở hữu làm địa điểm đánh bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, tổ chức cho 26 người đánh bạc và thu tiền xâu, số tiền tổ chức đánh bạc là 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, đã bao gồm số tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng với vai trò là người tổ chức do đó bị cáo Nguyễn Đình H là người phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Đình H, đã từng có tiền án đã được xóa; Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 17/4/2019 Nguyễn Đình H bị Tòa án nhân dân tỉnh TTH xét xử về tội đánh bạc chưa có hiệu lực nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Đình H và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội cải tạo, ăn năn, suy nghĩ về những lỗi lầm mà mình đã gây ra sớm hoàn lương, trở thành một công dân tốt và để sớm

quay trở về với gia đình và xã hội. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh TTH xử phạt Nguyễn Đình H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, hiện nay Bản án đã có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án (Riêng đối với hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng bị cáo đã thi hành xong), Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chấp hành hình phạt 06 (Sáu) tháng tù theo quyết định của bản án nói trên, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2018 đến ngày 29/8/2018 để tổng hợp với bản án này theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Chí Th, Bùi Thị Kim Á trực tiếp tham gia đánh bạc, đã từng có tiền án đã được xóa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H có tiền án đã được xóa và tiền sự chưa được xóa, đáng lẽ các bị cáo phải ăn năn, hối cải, tu dưỡng đảng này lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, riêng bị cáo Nguyễn Thị Thu H đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 nhưng ngày 07/8/2020 bị Công an huyện A L, tỉnh TTH xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi đánh bạc, xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội cải tạo, ăn năn, suy nghĩ về những lỗi lầm mà mình đã gây ra sớm hoàn lương, trở thành một công dân tốt và để sớm quay trở về với gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh gia đình các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H và Bùi Thị Kim Á đều khó khăn, bản thân các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định và là những lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc, có xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H trực tiếp tham gia đánh bạc ngoài lần phạm tội lần này bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo sử dụng số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng vào mục đích đánh bạc đây là số tiền lớn nhất so với các bị cáo khác, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Văn Ph trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo đã từng có tiền sự đã được xóa, bản thân bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Lê Văn Ph gia đình hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có công ăn việc làm ổn định vì vậy, không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Đối với các bị cáo Lê Mạnh T, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền, đây là hình thức đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm, bị cáo Hồ Thị G đồng phạm về hành vi đánh bạc với vai trò là người giúp sức và trực tiếp cho Nguyễn Đình Đ mượn tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc, ngoài lần phạm tội lần này các bị cáo chưa bị kết án,

xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo trong vụ án có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân nhiều bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Trong vụ án này đối với các bị cáo tham gia đánh bạc là đồng phạm, do đó để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Văn Thị L, Nguyễn Văn Đ, Văn Thị M, Mai Thị Th, Trần Thị H, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Thị Hồng Th, Trương Thị Thùy D, Nguyễn Đình Đ, Phan Thị Th, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Thị L, Hoàng Thị Th, Hồ Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân các bị cáo ngoài lần phạm tội lần này chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

Về hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Bùi Thị Kim Á vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức hành vi đánh bạc bị pháp luật cấm, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn, bản thân bị cáo Bùi Thị Kim Á đã từng có tiền án về tội đánh bạc đã được xóa, bị cáo không ăn năn, hối cải lại tiếp tục tham gia đánh bạc điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ, tính chất hành vi của bị cáo. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Bùi Thị Kim Á là chưa thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, chưa đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng cũng như chưa đảm bảo mục đích giáo dục, phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, đã bao gồm số tiền thu “Xâu” là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng đây là công cụ, phương tiện phạm tội và khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (Một) bát bằng sứ; 01 (Một) đĩa bằng sứ; 04 (bốn) con vị hình tròn được đục từ quân bài tứ lơ khơ; 01 (Một) cái đục con vị bằng kim loại màu trắng bạc có đường kính 5 cm x 1,5 cm; 01 (Một) miếng ván gỗ có kích thước: dài 50cm, rộng 10 cm (dùng làm tấm thớt đục bài); 01 (Một) cái chày bằng gỗ dùng để đục con vị; 01 (Một) vỏ ống lon nhãn hiệu Frisolac Gold bằng kim loại đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu trắng, xanh và đỏ thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đình H và chị Hồ Thị L nhưng chủ sở hữu không nhận lại, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu và tiêu hủy.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng trả lại: Trương Thị Thùy D là 10.000.000 (Mười triệu) đồng; Nguyễn Thị Hồng Th là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn T1 là 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng; Mai Thị Th là 500.000 (Năm trăm nghìn); Văn Thị M là 370.000 (Ba trăm bảy mươi nghìn) đồng; Nguyễn Đình H là 60.000 (Sáu mươi nghìn) đồng; 01 (Một) chiếc điện thoại di động MASTEL màu đen của Văn Thị L; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung bàn phím có nắp bật của Bùi Thị Kim Y; 01 (Một) chiếc điện thoại di động MASTEL màu trắng của Văn Thị M; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung cảm ứng và 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO của Lê Văn Ph; 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO màu đỏ của Nguyễn Thị Thu H; 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO màu đỏ của Hoàng Thị Th; 01 (Một) chiếc điện thoại di động cảm ứng Sam Sung màu trắng của Nguyễn Thị Nhã Ph, đây không phải là vật chứng của vụ án và đã xử lý theo đúng các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Toàn bộ số vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2020 và 03/9/2020 giữa Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 và Viện kiểm sát quân sự khu vực 42.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g, Khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Các bị cáo Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L1, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th1, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng điểm a, b, c Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình H 18 (Mười tám) tháng tù. Áp dụng Khoản 5 Điều 65, Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với 06 (Sáu) tháng tù còn phải chấp hành của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh TTH. Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chấp hành hình phạt chung là 24 (Hai mươi tư) tháng tù,

được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2018 đến ngày 29/8/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Chí Th 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị Thu H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Thị Kim Á 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/9/2020). Giao Nguyễn Ngọc H cho Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện A L, tỉnh TTH giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo thì việc thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn Ph 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Ủy ban nhân dân thị trấn A LL, huyện A L, tỉnh TTH giám sát, giáo dục Lê Văn Ph trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i,v,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Mạnh T 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Pơ Loong B 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt:

- Văn Thị L 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng.

- Nguyễn Văn Đ 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.
- Văn Thị M 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.
- Nguyễn Văn T 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.
- Mai Thị Th 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.
- Trần Thị H 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.
- Bùi Thị Kim Y 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng.
- Nguyễn Thị Hồng Th 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng.
- Trương Thị Thùy D 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.
- Nguyễn Đình Đ 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng.
- Phan Thị Th 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng.
- Hồ Thị G 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.
- Hoàng Thị S 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng.
- Hồ Thị L 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng.
- Hoàng Xuân Tr 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng.
- Nguyễn Thị L 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.
- Hoàng Thị Th 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng.
- Hồ Thị T 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng.

Áp dụng điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 34.670.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu và tiêu hủy đối với 01 (Một) bát bằng sứ; 01 (Một) đĩa bằng sứ; 04 (Bốn) con vị hình tròn được đục từ quân bài tứ lơ khơ; 01 (Một) cái đục con vị bằng kim loại màu trắng bạc có đường kính 5 cm x 1,5 cm; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu trắng, xanh và đỏ; 01 (Một) miếng ván gỗ có kích thước: dài 50cm, rộng 10 cm (dùng làm tấm thót đục bài); 01 (Một) cái chày bằng gỗ dùng để đục con vị; 01 (Một) vỏ ống lon nhãn hiệu Frisolac Gold bằng kim loại.

Toàn bộ số vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2020 và ngày 03/9/2020 giữa Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 và Viện kiểm sát quân sự khu vực 42.

3. Về án phí

Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo Nguyễn Đình H; Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/9/2020) các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Mạnh T, Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Thùy D, Bùi Thị Kim Y, Nguyễn Đình Đ, Hoàng Thị S, Hồ Thị L, Hoàng Xuân Tr, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Ph, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Phan Thị Th, Hoàng Thị Th, Văn Thị L, Nguyễn Thị Hồng Th, Bùi Thị Kim Á, Hồ Thị T, Nguyễn Văn T, Văn Thị M, Pơ Loong B, Mai Thị Th, Hồ Thị G có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4./.

Nơi nhận:

- VKSQSKV 42;
- VKSQSQK4;
- Bị cáo;
- TAQSTW;
- CQĐTHSKV4 QK4;
- THA HS; THA DS;
- Lưu: Hồ sơ, H40.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Trần Văn Hùng